ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính)

Luật số 67/2020/QH14 đã sửa đổi, bổ sung nội dung của 66/142 điều, trong đó, 16 điều sửa đổi, bổ sung toàn diện; sửa kỹ thuật 11/142 điều; bổ sung 04 điều; bãi bỏ 03 điều, với những nội dung cơ bản sau đây:

1. Về thuật ngữ tái phạm (Khoản 1 Điều 1)

Tái phạm là việc cá nhân, tổ chức đã bị ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử phạt; cá nhân đã bị ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà lại thực hiện hành vi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đó

2. Về xử lý hành vi vi phạm hành chính nhiều lần (Khoản 2 Điều 1)

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng trong Nghị định xử phạt chuyên ngành.

3. Bổ sung 2 hành vi bị nghiêm cấm (Khoản 5 Điều 1)

- Xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng.
- Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Về mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực (Khoản 10 Điều 1)

- Bổ sung mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đối ngoại là 30 triệu đồng;
- Bổ sung mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực hoạt động tố tụng là 40 triệu đồng;
- Tăng mức phạt tiền trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội, giao thông đường bộ tối đa từ 40 triệu đồng lên 75 triệu đồng.
- Tăng mức phạt tiền trong lĩnh vực cơ yếu tối đa 50 triệu đồng lên 75 triệu đồng.
- Tăng mức phạt tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tối đa từ 150 triệu đồng lên 500 triệu đồng…

5. Về lập biên bản vi phạm hành chính (Khoản 29 Điều 1)

- Quy định nguyên tắc "phải kịp thời lập biên bản"; đồng thời, Luật cũng bổ sung quy định về việc lập, gửi biên bản vi phạm hành chính, theo đó, biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử.
- Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.
- Quy định rõ phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Bổ sung quy định trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính.

6. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Khoản 34 Điều 1)

Luật năm 2020 sửa đổi theo hướng từ tính "ngày" sang "ngày làm việc" và tăng thời hạn xử phạt đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ:

- Đối với trường hợp không thuộc giải trình, xác minh, nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp phải chuyển hồ sơ xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp hồ sơ do cơ quan tố tụng chuyển sang.

- Đối với trường hợp giải trình, xác minh các tình tiết có liên quan…thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết) theo khoản 34, Điều 1.

- Đối với trường hợp giải trình, xác minh các tình tiết có liên quan mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần thêm thời gian xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính".

7. Thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Khoản 64 Điều 1)

- Bổ sung quy định "thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phụ thuộc vào giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính". Đồng thời, bổ sung người có thẩm quyền và trình tự thủ tục lập biên bản tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính như sau:

+ "Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

+ Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản,người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ".

- Bổ sung quy định "khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ trường hợp: động vật, thực vật tươi sống; hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật".

- Bổ sung "Trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ phải niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến".

8. Về tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn (Khoản 13 Điều 1)

Bổ sung nguyên tắc áp dụng tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn như sau: "Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ".

9. Về hoãn thi hành; miễn, giảm tiền phạt (Khoản 37, 38 Điều 1)

Bổ sung thêm đối tượng được xem xét hoãn thi hành quyết định xử phạt hoặc miễn, giảm tiền phạt là tổ chức, thay vì chỉ có đối tượng là cá nhân như Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Luật số 67/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022./.